

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2019/HS-ST**

Ngày: 30 - 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Đơ Niê, ông Hoàng Duy Am

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Sâm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2019/TLST-HS, ngày 17 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ma Đa M**, sinh năm 1986, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn 6, xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lái xe; dân tộc: kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; trình độ học vấn: 9/12; con ông Ma Văn S, sinh năm 1949 và con bà Huỳnh Thị X, sinh năm 1953; có vợ là Hà Thị H, sinh năm 1990; có 02 con (con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh. Có mặt.

- Người bị hại: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957 (Vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn 6, xã E2, huyện M, tỉnh Đắk Lắk

Tạm trú: đường A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người làm chứng: Anh Hoàng Đình K, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Tạm trú: đường A, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ma Đa M và Hoàng Đình K là bạn bè chơi với nhau. Năm 2013 M về nhà bà Nguyễn Thị L (HKTT: Thôn 6, xã E2, huyện M) là mẹ của K chơi, biết em của K là Hoàng Thị H1 (học chuyên ngành y đa khoa) chưa có việc làm, M nói với bà L là mình có nhiều mối quan hệ, có thể xin được việc cho H1 vào làm tại Bệnh viện ngoại sản TN với điều kiện bà L phải đưa cho M số tiền 35.000.000 đồng để làm chi phí. Bà L làm một bộ hồ sơ xin việc của H1 đưa cho M. Sau đó vào các ngày 04/02/2013, 04/6/2013 bà L chuyển cho M số tiền 35.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, giữa tháng

6/2013 M đến Bệnh viện ngoại sản TN nộp hồ sơ xin việc cho H nhưng Bệnh viện đang xây dựng chưa tuyển nhân viên, M rút số tiền trên đưa lại cho K để nhờ K trả lại cho bà L. Tuy nhiên, khi nghe K thông báo về việc M trả lại tiền cho mình, bà L nói K cứ giữ số tiền trên để khi nào M cần thì K đưa. Đầu tháng 12/2013, nghe tin Bệnh viện ngoại sản TN chuẩn bị đi vào hoạt động nên M nói K thông báo cho bà L chuyển trước số tiền 20.000.000 đồng để M xin việc cho H, vì số tiền trước đây M trả K đã sử dụng vào công việc riêng chưa chuẩn bị kịp nên K điện thoại nói bà L chuyển tiền cho M thì vào các ngày 24/12/2013, 25/12/2013 bà L chuyển cho M số tiền 20.000.000 đồng. Đầu tháng 01/2014 M đến nộp hồ sơ cho H tại Bệnh viện ngoại sản TN, nhưng bệnh viện vẫn chưa có thông báo tuyển dụng, nên M rút ra đưa lại cho K để nhờ K trả lại cho bà L. Sau khi nhận tiền từ M, K điện thoại nói với bà L biết thì bà L nói K giữ số tiền 20.000.000 đồng trên nói K thay mình đưa cho M để xin việc cho H khi M cần.

Khoảng tháng 7/2014, biết tin Bệnh viện ngoại sản TN tuyển nhân sự, M đưa hồ sơ của Hoàng Thị H1 đến nộp và hồ sơ được tiếp nhận. Nghĩ rằng H chắc chắn sẽ được nhận vào làm mà M không phải tốn chi phí, M nói K điện thoại báo bà L chuyển 35.000.000 đồng để M lo việc cho H. Do K đang giữ tiền mà bà L đưa, K không báo cho bà L nữa mà tự giải quyết. Ngày 20/8/2014 tại quán cà phê “Không tên” tại tổ dân phố 8, thị trấn M, huyện M, K đưa 35.000.000 đồng cho M và làm giấy giao nhận tiền. Sau khi nhận tiền xong M đã sử dụng số tiền trên vào việc tiêu xài cá nhân hết mà không sử dụng vào mục đích xin việc cho H như đã thỏa thuận. Sau thời gian dài chờ đợi, chị H không được nhận vào bệnh viện làm việc, bà L tìm gặp M để đòi lại số tiền nhưng không được, ngày 18/4/2019 bà L làm đơn tố cáo Ma Đa M về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 16/7/2019 bị cáo Ma Đa M đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 35.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị L và được bà L viết đơn bãi nại, không có yêu cầu gì thêm và đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Dắc truy tố bị cáo Ma Đa M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Ma Đa M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Ma Đa M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999; khoản 1, 2 Điều 65 BLHS 2015.

Xử phạt bị cáo Ma Đa M từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị cáo Ma Đa M đã tự nguyện bồi thường số tiền 35.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị L.

Bị cáo không tranh luận, mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng một mức án nhẹ nhất vì bị cáo đã ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, quyết định: Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M’Đrắk, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrắk, tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và những chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào năm 2013 Ma Đa M đã đưa thông tin gian dối về việc mình có nhiều mối quan hệ xã hội có thể xin việc được cho Hoàng Thị H1 (con gái bà Nguyễn Thị L) làm việc tại Bệnh viện ngoại sản TN với chi phí là 35.000.000 đồng. Tuy nhiên, do thời điểm đó bệnh viện chưa tuyển dụng sợ bị lộ nên M đã trả lại tiền cho bà L thông qua K (con trai bà L). Đến ngày 20/8/2014 M nộp được hồ sơ cho H vào Bệnh viện ngoại sản TN, nên M nhận 35.000.000 đồng của bà L thông qua anh K với lý do làm chi phí xin việc cho H. Sau đó M không sử dụng số tiền trên vào mục đích xin việc mà chiếm đoạt, tiêu xài cá nhân hết. Hành vi của của bị cáo Ma Đa M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999.

Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrắk, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Ma Đa M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 139 BLHS 1999 quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Xét tính chất mức độ hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị nghiêm trị. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vì vậy cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Sau khi phạm tội bị cáo được người bị hại làm đơn bãi nại và xin miễn trách nhiệm hình sự; bị cáo có bà nội là người có công với cách mạng, ông ngoại là liệt sĩ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần giao bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị cáo Ma Đa M đã tự nguyện bồi thường số tiền 35.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị L.

[4] Về án phí: Bị cáo Ma Đa M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Ma Đa M phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Ma Đa M 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 30/9/2019. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ tất cả các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, Quyết định tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo Ma Đa M kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 30/9/2019.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị cáo Ma Đa M đã tự nguyện bồi thường số tiền 35.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị L.

[3] Về án phí: Bị cáo Ma Đa M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Công an huyện M'Đrăk;
- THAHS công an huyện M'Đrăk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện M;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- UBND xã E, huyện E1;
- Lưu Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đình Nam